

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thêm tiền ăn cho người đang điều trị do nhiễm Covid-19 (F0) theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND tại Cơ sở điều trị bệnh nhân Covid-19 - Trung tâm Y tế quân dân y huyện Côn Đảo.**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 25/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

*Theo đề nghị của Sở Y tế tại văn bản số 2811/SYT-KHTC ngày 19/6/2022 và ý kiến của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 826/TTr-SLĐTXH ngày 29/6/2022.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thêm tiền ăn đối với người đang điều trị Covid-19 (F0) tại Trung tâm Y tế quân dân y huyện Côn Đảo theo quy định tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 25/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; cụ thể:

- Tổng số đối tượng F0: 39 người.
  - Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: 12.330.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng)
- (Chi tiết theo danh sách và mức hỗ trợ đính kèm).*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Trung tâm Y tế quân dân y huyện Côn Đảo chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo quy định để hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng, đảm bảo kịp thời, chính xác, đúng đối tượng và tuân thủ các quy định về công tác phòng, chống dịch Covid-19.

2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác thực hiện chi hỗ trợ.

3. Giao Sở Tài chính cân đối ngân sách địa phương, tham mưu UBND tỉnh đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện và hướng dẫn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Y tế quân dân y huyện Côn Đảo; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTr.TU, TTr.HĐND tỉnh (b/c);
- CT. UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh (đề g/s);
- Lưu VT, VX5.<sup>(H)</sup>

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH** ✓



**Trần Văn Tuấn**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RIA - VŨNG TÀU

**DANH SÁCH CHI TIỀN ĂN CHO NGƯỜI PHẢI ĐIỀU TRỊ COVID-19 (F0) THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 79/NQ-HĐND TẠI  
TRUNG TÂM Y TẾ QUÂN - DÂN Y HUYỆN CÔN ĐẢO**

(Đính kèm Quyết định số: 1882/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh |      | Địa chỉ           | Ngày bắt đầu điều trị, cách ly | Ngày kết thúc điều trị, cách ly | Số ngày điều, cách ly | SỐ TIỀN (đồng) | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------------------|------|-------------------|--------------------------------|---------------------------------|-----------------------|----------------|---------|
|     |                       | Nam                 | Nữ   |                   |                                |                                 |                       |                |         |
| 1   | 2                     | 3                   | 4    | 5                 | 6                              | 7                               | 8                     | 9=8*30.000     | 10      |
| 1   | Nguyễn Thị Ngọc Thôi  |                     | 1988 | Khu 10, Côn Đảo   | 20/11/2021                     | 29/11/2021                      | 10                    | 300.000        |         |
| 2   | Nguyễn Văn Đệ         | 1985                | 1989 | Khu 5, Côn Đảo    | 23/11/2021                     | 02/12/2021                      | 10                    | 300.000        |         |
| 3   | Nguyễn Thị Chiêm      |                     | 1969 | Khu 9, Côn Đảo    | 25/11/2021                     | 06/12/2021                      | 12                    | 360.000        |         |
| 4   | Lưu Văn Diện          | 1984                |      | Khu 3, Côn Đảo    | 25/11/2021                     | 06/12/2021                      | 12                    | 360.000        |         |
| 5   | Nguyễn Thanh Tùng     | 1998                |      | Khu 3, Côn Đảo    | 25/11/2021                     | 05/12/2021                      | 11                    | 330.000        |         |
| 6   | Lê Thị Ánh Vàng       |                     | 1999 | Khu 3, Côn Đảo    | 26/11/2021                     | 05/12/2021                      | 10                    | 300.000        |         |
| 7   | Lê Thị Trúc Linh      |                     | 1993 | Khu 10, Côn Đảo   | 25/11/2021                     | 03/12/2021                      | 9                     | 270.000        |         |
| 8   | Đinh Kim Yến          |                     | 2010 | Khu 10, Côn Đảo   | 25/11/2021                     | 03/12/2021                      | 9                     | 270.000        |         |
| 9   | Nguyễn Hoàng Nhất Anh | 2021                |      | Khu 10, Côn Đảo   | 25/11/2021                     | 03/12/2021                      | 9                     | 270.000        |         |
| 10  | Lâm Ánh Nguyệt        |                     | 1968 | Khu 10, Côn Đảo   | 25/11/2021                     | 03/11/2021                      | 9                     | 270.000        |         |
| 11  | Nguyễn Đình Nhân      | 2014                |      | Khu 10, Côn Đảo   | 25/11/2021                     | 03/12/2021                      | 9                     | 270.000        |         |
| 12  | Nguyễn Văn Tân        | 1971                |      | Khu 10, Côn Đảo   | 25/11/2021                     | 03/12/2021                      | 9                     | 270.000        |         |
| 13  | Nguyễn Thị Hà         |                     | 2000 | Xissens - Côn Đảo | 26/11/2021                     | 05/12/2021                      | 10                    | 300.000        |         |
| 14  | Nguyễn Văn Đông       | 1984                |      | Tàu BV97899       | 3/12/2021                      | 16/12/2021                      | 14                    | 420.000        |         |
| 15  | Nguyễn Văn Phúc       | 1970                |      | Tàu BV97899       | 5/12/2021                      | 08/12/2021                      | 4                     | 120.000        |         |
| 16  | Đông Văn Đạo          | 1958                |      | Tàu BV97899       | 4/12/2021                      | 12/12/2021                      | 9                     | 270.000        |         |
| 17  | Nguyễn Tổng           | 1966                |      | Tàu BV97899       | 4/12/2021                      | 12/12/2021                      | 9                     | 270.000        |         |
| 18  | Bùi Văn Hà            | 1968                |      | Tàu BV97899       | 4/12/2021                      | 12/12/2021                      | 9                     | 270.000        |         |
| 19  | Trần Trọng Nghĩa      | 1960                |      | Tàu BV 5833       | 4/12/2021                      | 12/12/2021                      | 9                     | 270.000        |         |
| 20  | Lê Cu Lớn             | 1964                |      | Tàu BV 5833       | 4/12/2021                      | 12/12/2021                      | 9                     | 270.000        |         |

|    |                   |      |  |              |            |            |            |                   |  |
|----|-------------------|------|--|--------------|------------|------------|------------|-------------------|--|
| 21 | Nguyễn Văn Tấn    | 1995 |  | Tàu BV 5833  | 4/12/2021  | 12/12/2021 | 9          | 270.000           |  |
| 22 | Trần Vũ           | 1973 |  | Tàu BV 5833  | 4/12/2021  | 12/12/2021 | 9          | 270.000           |  |
| 23 | Dương Hồng Quân   | 1990 |  | Tàu BV 5833  | 4/12/2021  | 12/12/2021 | 9          | 270.000           |  |
| 24 | Nguyễn Văn Chiến  | 1968 |  | Tàu BV 5833  | 4/12/2021  | 12/12/2021 | 9          | 270.000           |  |
| 25 | Phan Văn Hiền     | 1979 |  | Tàu BV 5833  | 4/12/2021  | 14/12/2021 | 11         | 330.000           |  |
| 26 | Trần Văn Bốn      | 1963 |  | Tàu BV 5833  | 4/12/2021  | 14/12/2021 | 11         | 330.000           |  |
| 27 | Đổng Văn Sơn      | 1976 |  | Tàu BV 97899 | 5/12/2021  | 14/12/2021 | 10         | 300.000           |  |
| 28 | Nguyễn Thanh Tâm  | 1984 |  | Tàu BV 97899 | 6/12/2021  | 14/12/2021 | 9          | 270.000           |  |
| 29 | Nguyễn Văn Bon    | 1963 |  | Tàu BV 97899 | 5/12/2021  | 14/12/2021 | 10         | 300.000           |  |
| 30 | Phạm Vũ           | 1988 |  | Tàu BV 91351 | 7/12/2021  | 16/12/2021 | 10         | 300.000           |  |
| 31 | Nguyễn Thanh Tuấn | 1997 |  | Tàu BV 91351 | 8/12/2021  | 17/12/2021 | 10         | 300.000           |  |
| 32 | Nguyễn Văn Phúc   | 1978 |  | Tàu BV 91351 | 8/12/2021  | 17/12/2021 | 10         | 300.000           |  |
| 33 | Tô Văn Dương      | 1981 |  | Tàu BV97899  | 4/12/2021  | 19/12/2021 | 16         | 480.000           |  |
| 34 | Nguyễn Văn Nam    | 1967 |  | Tàu BV97899  | 4/12/2021  | 19/12/2021 | 16         | 480.000           |  |
| 35 | Đổng Văn Bảy      | 1969 |  | Tàu BV 97899 | 5/12/2021  | 21/12/2021 | 17         | 510.000           |  |
| 36 | Trần Văn Vinh     | 1976 |  | Tàu BV 97899 | 5/12/2021  | 21/12/2021 | 17         | 510.000           |  |
| 37 | Lê Văn Phước      | 1964 |  | Tàu BV 91351 | 8/12/2021  | 21/12/2021 | 14         | 420.000           |  |
| 38 | Võ Văn Phương     | 1989 |  | Tàu BV 91351 | 5/12/2021  | 08/12/2021 | 2          | 60.000            |  |
|    |                   |      |  |              | 13/12/2021 | 22/12/2021 | 10         | 300.000           |  |
| 39 | Nguyễn Văn Giới   | 1995 |  | Khu 6        | 13/12/2021 | 22/12/2021 | 10         | 300.000           |  |
|    | <b>Tổng cộng</b>  |      |  |              |            |            | <b>411</b> | <b>12.330.000</b> |  |

